

雇用契約に係る重要事項事前説明書
BẢN GIẢI THÍCH TRƯỚC ĐIỀU KHOẢN QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN
HỢP ĐỒNG TUYỂN DỤNG

建設特定技能受入計画を申請予定である（特定技能所属機関名）有限会社板倉土木は、雇用契約に係る重要事項について、下記内容を事前に説明し、内容を理解させたうえで国土交通省へ申請する。

Công ty Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Itakura (tên cơ quan trực thuộc kỹ năng đặc định) dự định nộp kế hoạch tiếp nhận kỹ năng đặc định ngành xây dựng xin giải thích trước những điều khoản quan trọng dưới đây liên quan đến hợp đồng tuyển dụng và trên cơ sở đã nhận được sự lý giải về nội dung này sẽ nộp đơn tới Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông vận tải và Du lịch Nhật Bản.

1. 基本賃金（Tiền lương cơ bản）
月額（ 270,000 円 手当 円、 手当 円を含む。）
Lương tháng (270,000 Yên Bao gồm phụ cấp Yên, phụ cấp Yên.)
2. 諸手当の額及び計算方法（時間外労働の割増賃金は除く。）
(a) (住居 手当 30,000 円／計算方法：)
(b) (手当 円／計算方法：)
(c) (手当 円／計算方法：)
2. Các khoản phụ cấp và cách tính (Không bao gồm tiền tăng ca làm việc ngoài giờ.)
(a) (Phụ cấp nơi cư trú, 30,000 Yên /Cách tính:)
(b) (Phụ cấp Yên /Cách tính:)
(c) (Phụ cấp Yên /Cách tính:)
3. 固定残業代 (有 ・ 無)
(固定残業代が有る場合は以下に記入)
(時間 円 【計算方法】)
固定残業代を超えた労働時間分については割増賃金を追加で支払う。
3. Tiền tăng ca cố định (Có ・ Không)
(Điền vào bên dưới nếu có tiền tăng ca cố định)
(tiếng Yên 【Cách tính】)
Tiền tăng ca sẽ được chi trả thêm cho số giờ làm việc vượt quá thời gian tăng ca cố định.
4. 1 か月当たりの支払概算額（1 + 2 + 3）
(1. 基本賃金の月額に算入した手当については、二重に計上しないように注意すること。)
(1. Chú ý không tính hai lần phụ cấp vào lương cơ bản hàng tháng.)

Số tiền thanh toán ước tính cho 1 tháng (1+2+3)

約 300,000 円 (合計)
khoảng 300,000 Yên (Tổng)
5. 賃金支払時に控除する項目
(a) 税金 (約 7,500 円)
(b) 社会保険料 (約 38,135 円)
(c) 雇用保険料 (約 1,650 円)

(d) 食費	(約	円)
(e) 居住費	(約	円)
(f) その他 (水道光熱費)	(約	円)
(g) その他 ()	(約	円)
控除する金額		約 47,285 円 (合計)

5. Các mục khấu trừ khi thanh toán tiền lương

(a) Tiền thuế	(khoảng	7,500	Yên)
(b) Tiền bảo hiểm xã hội	(khoảng	38,135	Yên)
(c) Tiền bảo hiểm việc làm	(khoảng	1,650	Yên)
(d) Tiền ăn	(khoảng		Yên)
(e) Tiền nhà	(khoảng		Yên)
(f) Tiền khác (Tiền nước, điện, ga)	(khoảng		Yên)
(g) Tiền khác ()	(khoảng		Yên)
Số tiền khấu trừ		khoảng 47,285	Yên (Tổng)

6. 手取り支給額 (4 - 5)	約 252,715 円 (円)
Số tiền thực lĩnh (4 - 5)	khoảng 252,715 Yên (Tổng)

※欠勤等がない場合であって、時間外労働の割増賃金等は除く。

※Đây là trường hợp không nghỉ làm không lương, v.v... và chưa bao gồm tiền làm thêm ngoài giờ v.v...

7. 業務内容 (従事させる業務区分、従事させる工事業の種類、従事させる具体的職種及び作業内容) (職種名等だけでなく、具体的にどのような現場でどのような作業に従事させるのか説明すること。)

従事させる業務区分： 土木
 従事させる工事業の種類： 土工工事業
 従事させる具体的職種及び作業内容： 型枠施工、鉄筋施工、とび、建設機械施工、土工

7. Nội dung công việc

(phân loại công việc sẽ làm, loại công trình, ngành nghề và nội dung công việc cụ thể sẽ làm)
 (Không chỉ nêu tên công việc, v.v. mà còn giải thích cụ thể sẽ làm công việc gì, loại công trình gì.)

Phân loại công việc sẽ làm : Công trình dân dụng

Loại công trình sẽ làm : Công trình thi công nền móng, san lấp

Ngành nghề và nội dung công việc cụ thể sẽ làm : Thi công cốt pha, thi công cốt thép, giàn giáo, thi công máy móc thi công, đào đất

8. 技能の習熟等に応じた昇給について

(昇給額、昇給条件及び昇給時期について説明すること。従事させる具体的職種及び作業内容に応じた同等の技能を有する日本人が従事する場合の報酬と同等以上になるよう留意すること。)

昇給額 : 1,000 円以上

昇給条件 : 本人の業務態度及び勤務成績、技能の練度、能力によって昇給予定です。

昇給時期 : 毎年 4 月

8. Liên quan đến tăng lương theo sự thành thạo của kỹ năng, v.v...

(Giải thích về số tiền tăng lương, điều kiện tăng lương và thời gian tăng lương. Chú ý đảm bảo mức thù lao tương đương hoặc cao hơn so với người lao động Nhật có cùng kỹ năng theo ngành nghề và nội dung công việc cụ thể sẽ làm.)

Số tiền tăng lương: 1.000 yên trở lên

Điều kiện nâng lương: Mức lương sẽ được tăng lên dựa trên thái độ làm việc, hiệu suất làm việc, trình độ và năng lực của từng cá nhân.

Thời gian tăng lương: Tháng Tư hàng năm

9. 従事させる業務区分、工事業等に応じた安全衛生教育及び技能の習得について

(安全衛生教育の実施内容や、技能検定の受験時期や合格後の支給手当、昇給への反映等について説明すること)

雇用開始時に雇い入れ教育を行い、従業員の生命・身体の安全の保護及び確保、熱中症対策等の健康保全を教育する。その後、自社営業所事務所にて、社長の主催にて毎月第二金曜日に安全衛生協議会を開催。外国人の日本語能力に考慮して、動画や写真資料の視覚に訴える方法を用いて、工事手順の確認、作業開始前の作業場の点検、ハインリッヒの法則やその具体例、事故事例を元に危険予知活動の教育、その他労働法に関わる法的な部分の教育、モラルに関わる部分の教育・講習会を行う。受入後適時、技能講習の受講を実施受入れ予定の方は日本語が未熟である為、外国語対応登録教習機関にて行う。受入後、3年以内に技能検定2級、5年以内に技能検定1級の取得を目指し随時社内勉強会を開催予定。

9. Liên quan đến đào tạo an toàn vệ sinh và học tập kỹ năng ứng với phân loại công việc, công trình, v.v. sẽ làm

(Giải thích về nội dung thực hiện đào tạo an toàn vệ sinh, thời gian thi kỹ năng, phụ cấp lương sau khi thi đậu, phản ánh về việc tăng lương, v.v...)

Khi bắt đầu làm việc, nhân viên sẽ được đào tạo về cách bảo vệ và đảm bảo an toàn cho tính mạng và cơ thể của họ cũng như cách duy trì sức khỏe như các biện pháp chống say nắng. Sau đó, cuộc họp hội đồng an toàn và sức khỏe được tổ chức vào thứ Sáu của tuần thứ hai hàng tháng tại phòng kinh doanh của công ty do chủ tịch chủ trì. Cần nhắc khả năng tiếng Nhật của người nước ngoài, chúng tôi sử dụng các phương pháp hấp dẫn trực quan như video và ảnh để xác nhận quy trình xây dựng, kiểm tra nơi làm việc trước khi bắt đầu công việc và cung cấp thông tin về Luật Heinrich, các ví dụ cụ thể và các trường hợp tai nạn. về các hoạt động dự đoán nguy hiểm, các khía cạnh pháp lý khác liên quan đến luật lao động, giáo dục và hội thảo về các khía cạnh đạo đức. Sau khi được chấp nhận, chúng tôi sẽ tham gia các khóa đào tạo kỹ năng kịp thời. Vì người dự kiến được nhận không thành thạo tiếng Nhật nên việc đào tạo sẽ được tiến hành tại cơ sở đào tạo ngoại ngữ đã đăng ký. Sau khi được chấp nhận, chúng tôi dự định thỉnh thoảng tổ chức các buổi học nội bộ với mục tiêu đạt được chứng chỉ kỹ năng cấp 2 trong vòng 3 năm và chứng chỉ kỹ năng cấp 1 trong vòng 5 năm.

10. 個人情報の提供に係る同意について

(建設特定技能受入計画の適正な実施を確保するため、建設キャリアアップシステムを運営する一般財団法人建設業振興基金、適正就労監理機関及び特定技能外国人受入事業実施法人へ認定受入計画に記載された内容（個人情報を含む。）を提供することに同意しているか)

☒同意している。 ☐同意していない。

10. Liên quan đến việc đồng ý cung cấp thông tin cá nhân

(Để đảm bảo thực hiện chính xác kế hoạch tiếp nhận kỹ năng đặc định ngành xây dựng, bạn có đồng ý hay không việc cung cấp nội dung được đăng trong kế hoạch tiếp nhận được chứng nhận (bao gồm thông tin cá nhân) tới Pháp nhân đoàn thể chung - Quỹ Thúc đẩy ngành nghề xây dựng, Cơ quan Quản lý lao động chính qui, Pháp nhân thực hiện tiếp nhận người nước ngoài tư cách kỹ năng đặc định)

☒Đồng ý ☐Không đồng ý

(西暦) 2025 年 9 月 26 日、前記 1 から 10 の内容について以下の者が十分に理解することができる言語（ベトナム語）にて説明し、内容を理解していることを確認した。

Vào ngày tháng năm , người có tên dưới đây xác nhận đã giải thích đầy đủ nội dung từ mục 1 tới mục 10 ở trên bằng ngôn ngữ có thể hiểu đầy đủ (tiếng Việt) và đã hiểu hết các nội dung.

(サイン/ Ký tên)

説明者 Người giải thích

板倉 信広

特定技能所属機関名

有限会社板倉土木 , Công ty TNHH

Tên cơ quan trực thuộc kỹ năng đặc định

Kỹ thuật Xây dựng Itakura

所在地 Địa chỉ

千葉県市川市柏井町 2-680-5

2-680-5 Kashiwai-cho, Thành phố

Ichikawa, Tỉnh Chiba

電話番号 Số điện thoại

047-338-5986

代表者 役職・氏名

代表取締役 板倉信広 , Giám đốc

Người đại diện Chức vụ/ Họ tên

đại diện Nobuhiro Itakura